

**Công ước Quốc tế
về các quyền dân sự
và chính trị**

Phổ biến.: Chung

29 tháng 8 năm 2019

Bản gốc: Tiếng Anh

Ủy ban Nhân quyền

Nhận xét kết luận về báo cáo định kỳ lần thứ ba của Việt Nam *

1. Ủy ban đã xem xét báo cáo định kỳ thứ ba của Việt Nam (CCPR/C/VNM/3) tại phiên họp thứ 3580 và 3581 của Ủy ban (xem CCPR/C/SR.3580 và 3581), tổ chức ngày 11 và 12 tháng 3 năm 2019. Tại phiên họp thứ 3599 và 3600, tổ chức ngày 25 tháng 3 năm 2019, Ủy ban đã thông qua các nhận xét kết luận này.

A. Giới thiệu

2. Ủy ban hoan nghênh việc Việt Nam nộp báo cáo định kỳ thứ ba, dù muộn hơn 13 năm, và các thông tin được trình bày trong báo cáo. Ủy ban bày tỏ sự trân trọng cơ hội tái tục đối thoại xây dựng với phái đoàn của Nhà nước thành viên về những biện pháp được thực hiện trong giai đoạn báo cáo để thực thi các điều khoản của Công ước. Ủy ban cũng cảm ơn Nhà nước thành viên đã trả lời bằng văn bản (CCPR/C/VNM/Q/3/Add.1) đối với danh sách các vấn đề (CCPR/C/VNM/Q/3), sau đó bổ sung thêm bằng phần đáp lời của phái đoàn, cũng như các thông tin bổ sung đã được cung cấp thêm cho Ủy ban bằng văn bản.

B. Những khía cạnh tích cực

3. Ủy ban hoan nghênh những biện pháp lập pháp, thể chế và chính sách đã được Nhà nước thành viên thực hiện sau đây:

- (a) Việc đưa một chương về quyền con người và quyền cơ bản của công dân vào Hiến pháp sửa đổi 2013;
- (b) Việc sửa đổi Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trong số nhiều việc khác, đã tạo cơ sở cho quyền tiếp cận tư vấn pháp lý ở tất cả các bước tố tụng hình sự, mở rộng tiêu chí tư vấn pháp lý miễn phí và quy định mới việc yêu cầu cơ quan điều tra tiến hành ghi âm ghi hình quá trình thẩm vấn người bị buộc tội tại trụ sở cơ quan công quyền.
- (c) Việc sửa đổi Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, trong đó mở rộng đối tượng được trợ giúp pháp lý;
- (d) Việc sửa đổi Luật Thi hành tạm giữ tạm giam năm 2015, trong đó quy định, bên cạnh các quy định khác, quyền được gặp thân nhân và quyền được hỗ trợ pháp lý, đặc biệt trong quá trình điều tra của công an;
- (e) Việc sửa đổi Luật Quốc tịch năm 2014, tạo điều kiện cho việc nhận quốc tịch Việt Nam của người tị nạn và người vô quốc tịch;
- (f) Luật về Chống Buôn bán người năm 2011, trong đó cấm lao động cưỡng bức và bóc lột tình dục;
- (g) Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới (2011-2020).

* được Ủy ban thông qua tại Kỳ họp thứ 125 (4 đến 29 tháng 3 năm 2019)

4. Ủy ban cũng hoan nghênh việc Nhà nước thành viên đã phê chuẩn hoặc gia nhập vào các điều ước quốc tế sau vào ngày 05/02/2015:

- (a) Công ước về Quyền của Người khuyết tật;
- (b) Công ước chống Tra tấn và các biện pháp trừng phạt hoặc đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục.

C. Những vấn đề quan ngại chính và khuyến nghị

Việc thực thi và phổ biến Công ước trong nước

5. Ủy ban ghi nhận những nỗ lực của Nhà nước thành viên trong việc tuân thủ các nghĩa vụ theo Công ước, bao gồm thông qua việc sửa đổi một số quy định pháp luật, tuy vậy, Ủy ban quan ngại rằng giữa khuôn khổ pháp lý trong nước vẫn còn chưa tương thích với Công ước. Ủy ban quan ngại rằng Hiến pháp của Việt Nam không tích hợp đầy đủ các quyền được đảm bảo trong Công ước và quy định pháp luật trong nước áp đặt những hạn chế quá rộng lên các quyền trong Công ước, bao gồm những hạn chế trên cơ sở an ninh quốc gia. Ủy ban lấy làm tiếc là mức độ hiểu biết về Công ước ở Nhà nước thành viên là chưa thích đáng, mặc dù đã có nhiều sáng kiến nâng cao nhận thức, và rằng không có quyết định nào của Tòa án tham chiếu đến Công ước khi áp dụng hay diễn giải luật trong nước. Ủy ban lấy làm tiếc rằng Nhà nước thành viên vẫn chưa phê chuẩn Nghị định thư tùy chọn thứ nhất của Công ước (điều 2).

6. **Nhà nước thành viên nên:**

(a) **Rà soát khuôn khổ pháp luật trong nước để xác định các khoảng trống và mâu thuẫn với Công ước; đảm bảo rằng tất cả các quyền trong Công ước được trao đủ hiệu lực pháp lý trong khuôn khổ trật tự pháp lý trong nước; và, khi cần thiết, thiết lập những hạn chế rõ ràng và cụ thể với việc thực hành các quyền trong Công ước, một cách cần thiết và cân xứng;**

(b) **Đẩy mạnh các nỗ lực để cung cấp một cách hiệu quả các đào tạo chuyên ngành cho công chức Nhà nước, công an và cán bộ thực thi pháp luật, kiểm sát viên và thẩm phán để đảm bảo họ áp dụng và diễn giải Công ước, đồng thời cho các thành viên của Quốc hội để họ thông qua các luật trong nước theo tinh thần của Công ước; và nâng cao nhận thức trong công chúng nói chung;**

(c) **Cân nhắc phê chuẩn Nghị định thư tùy chọn thứ nhất theo Công ước, trong đó quy định một cơ chế khiếu nại cá nhân (CCPR/CO/75/VNM, đoạn 6).**

Cơ quan Nhân quyền quốc gia

7. Trong khi ghi nhận sự tồn tại của các cơ quan Chính phủ trong nước với chức năng liên quan đến nhân quyền, Ủy ban vẫn quan ngại về sự thiếu vắng một cơ quan độc lập tuân thủ các nguyên tắc về vị thế của cơ quan quốc gia về thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền (theo các Nguyên tắc Paris). Ủy ban lấy làm tiếc về việc thiếu vắng những hành động cụ thể, cùng với một khung thời gian chắc chắn cho việc thành lập một cơ quan như vậy (điều 2).

8. **Gọi lại khuyến nghị trước đây (CCPR/CO/75/VNM, đoạn 11), Ủy ban nhắc lại rằng Nhà nước thành viên cần nhanh chóng thành lập một cơ quan nhân quyền quốc gia để thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, phù hợp với các Nguyên tắc Paris.**

Tình trạng khẩn cấp

9. Ủy ban ghi nhận rằng Nhà nước thành viên chưa áp dụng tình trạng khẩn cấp từ 2002. Tuy nhiên, Ủy ban quan ngại rằng các quy định pháp lý hiện hành về tình trạng khẩn cấp không định nghĩa những thoái lui nghĩa vụ và hạn chế về quyền nào là được phép trong trường hợp áp dụng tình trạng khẩn cấp, cũng như các quy định này không cấm một cách rõ ràng những thoái lui nghĩa vụ khỏi các điều khoản không thể thoái lui của Công ước. (điều 4).

10. **Nhà nước thành viên cần nhanh chóng đưa các quy định về tình trạng khẩn cấp phù hợp với điều 4 của Công ước, như diễn giải trong Bình luận chung số 29 (2001) của Ủy ban về thoái lui nghĩa vụ theo Công ước trong tình trạng khẩn cấp, đặc biệt với các điều khoản không được thoái lui nghĩa vụ trong Công ước, và hạn chế bất kỳ thoái lui nào trong phạm vi hạn chế nghiêm ngặt do tình trạng bất khả kháng yêu cầu. Nếu Nhà nước thành viên cho rằng mình có quyền thoái lui nghĩa vụ, Nhà nước thành viên phải lập tức thông báo cho các nước thành viên khác của Công ước, thông qua trung gian là Tổng thư ký LHQ, về các quyền mà Nhà nước thành viên đã thoái lui nghĩa vụ trong thời điểm tình trạng khẩn cấp và các lý do của việc thoái lui theo như điều 4(3) của Công ước.**

Chống khủng bố

11. Ủy ban quan ngại về việc dùng các thuật ngữ không rõ ràng trong khuôn khổ pháp lý về chống khủng bố, đặc biệt là tội “khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân” theo điều 113 Bộ luật Hình sự, trong đó quy định rộng và có thể dẫn đến việc áp dụng tùy tiện và lạm dụng (điều 2, 9 và 14).

12. **Nhà nước thành viên cần đảm bảo rằng các quy định pháp luật về chống khủng bố tuân thủ đầy đủ chuẩn mực quốc tế, được giới hạn trong các tội phạm rõ ràng có thể thỏa mãn các điều kiện cấu thành hành vi khủng bố, và cần định nghĩa các hành vi này một cách chính xác và thu hẹp.**

Khuôn khổ về không phân biệt đối xử

13. Ủy ban quan ngại rằng khuôn khổ pháp luật hiện hành không đảm bảo sự bảo vệ toàn diện khỏi phân biệt đối xử trên tất cả các phương diện bị cấm theo Công ước (điều 2 và 26).

14. **Nhà nước thành viên cần cân nhắc thông qua một luật chống phân biệt đối xử toàn diện để đảm bảo rằng khuôn khổ pháp lý tạo ra sự bảo vệ đầy đủ và hiệu quả trước tất cả các hình thức phân biệt đối xử ở tất cả các lĩnh vực, và có một danh sách toàn diện các phương diện phân biệt đối xử, bao gồm chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia hay xã hội, nguồn gốc sinh thành, tình trạng khuyết tật, tuổi, xu hướng tính dục và bản dạng giới, và bất kỳ vị thế nào khác. Luật này cũng cần đảm bảo hơn nữa rằng các cáo giác về hành vi phân biệt đối xử được giải quyết một cách hiệu quả và nạn nhân được khắc phục đầy đủ.**

Xu hướng tính dục, bản dạng giới, tình trạng liên giới, và người có HIV

15. Ủy ban hoan nghênh những nỗ lực của Nhà nước thành viên trong việc cải thiện tình hình của người đồng tính nữ, đồng tính nam, người song tính, người chuyển giới và người liên giới tính, bao gồm việc bỏ

quy định cấm hôn nhân đồng giới và tạo ra sự công nhận pháp lý về giới tính. Ủy ban ghi nhận về việc một luật về người chuyển giới đang được soạn thảo. Tuy vậy, Ủy ban quan ngại rằng những người này tiếp tục phải đối mặt với phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới của họ. Ủy ban cũng quan ngại việc không có sự công nhận về pháp lý và bảo vệ với các cặp đôi đồng giới, và rằng trẻ nhỏ và trẻ em dưới 9 tuổi sinh ra với những đặc điểm liên giới khác, có thể phải trải qua những can thiệp y tế để sắp đặt giới tính mà không thể đảo ngược, và rằng những can thiệp này được thực hiện trước khi trẻ em có liên quan có thể đưa ra quyết định đồng ý một cách tự nguyện trên cơ sở được thông báo đầy đủ. Ủy ban cũng quan ngại rằng người sống với HIV tiếp tục phải đối mặt với phân biệt đối xử và kỳ thị (các điều 2 - 3, 7, 9, 17, 24 và 26).

16. Nhà nước thành viên cần:

(a) Tăng cường những nỗ lực của mình để xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử, bạo lực và kỳ thị xã hội với những người dựa trên xu hướng tính dục, bản dạng giới hay tình trạng HIV của họ; tạo tiếp cận với những biện pháp khắc phục một cách hiệu quả cho nạn nhân của những hành vi trên;

(b) Thiết lập một quy trình dành cho việc xác định giới về mặt pháp lý mà không cần yêu cầu y tế, tương thích với Công ước;

(c) Cân nhắc việc đưa ra công nhận và bảo vệ về pháp lý với các cặp đôi đồng giới;

(e) Tiến hành các biện pháp để chấm dứt những điều trị y tế không thể đảo ngược với trẻ em liên giới, những người chưa thể đưa ra quyết định đồng ý một cách tự nguyện trên cơ sở được thông tin đủ, trừ những can thiệp do có đòi hỏi cần thiết về y tế một cách tuyệt đối.

Người khuyết tật

17. Dù có những nỗ lực để nâng cao quyền của người khuyết tật, Ủy ban quan ngại về những phân biệt đối xử mà người khuyết tật phải đối diện, bao gồm việc tiếp cận các dịch vụ công (các điều 2 và 26).

18. Nhà nước thành viên cần tăng cường những nỗ lực để bảo vệ người khuyết tật khỏi sự phân biệt đối xử và đảm bảo họ có tiếp cận đầy đủ tới các dịch vụ công, bao gồm giáo dục, việc làm, giao thông công cộng; và nâng cao nhận thức về quyền của người khuyết tật, bao gồm nhận thức trong cán bộ Nhà nước, cán bộ y tế, và công chúng nói chung.

Quyền bình đẳng của nam và nữ

19. Trong khi Ủy ban hoan nghênh những nỗ lực để khắc phục phân biệt đối xử về giới, Ủy ban quan ngại rằng một số quy định pháp luật vẫn có những điều khoản mang tính phân biệt đối xử, không tương thích với Công ước. Ủy ban tiếp tục quan ngại về việc tham gia hạn chế của phụ nữ vào đời sống chính trị, và trước những thiên vị, định kiến và phân biệt đối xử mà phụ nữ tiếp tục phải đối diện, đặc biệt ở vùng nông thôn (các điều 2, 3, 17, 25 và 26).

20. Nhà nước thành viên cần sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật của mình, bao gồm Bộ luật Lao động, để tuân thủ Công ước. Nhà nước cần tăng cường các biện pháp để tăng sự tham gia của phụ nữ vào tất cả các mặt, đặc biệt trong những vị trí có thể ra quyết định cấp cao và trong đời sống chính trị, thông qua các biện pháp đặc biệt tạm thời. Nhà nước thành viên cần tăng các nỗ lực xóa bỏ những thiên vị và định kiến giới.

Bạo lực với phụ nữ

21. Dù có những biện pháp được thực hiện để giải quyết tình trạng bạo lực trên cơ sở giới, Ủy ban quan ngại rằng bạo lực gia đình với phụ nữ vẫn dai dẳng. Ủy ban cũng quan ngại rằng Bộ luật Hình sự, trong khi quy định rằng cưỡng hiếp là một tội, không quy định rõ về cưỡng hiếp trong hôn nhân. Ủy ban còn quan ngại trước các báo cáo rằng việc sử dụng biện pháp hòa giải một cách thường xuyên trong những vụ việc bạo lực gia đình, trong đó có thể thiên vị nam giới và ngăn phụ nữ tiếp cận công lý và các biện pháp khắc phục có hiệu quả (điều 2-3, 6-7 và 26).

22. **Nhà nước thành viên cần:**

- (a) **Tiếp tục nỗ lực gấp đôi trong việc ngăn chặn và giải quyết tất cả các hình thức bạo lực trên cơ sở giới;**
- (b) **Hình sự hóa rõ ràng việc cưỡng hiếp trong hôn nhân và xâm hại tình dục;**
- (c) **Tăng cường các biện pháp nâng cao nhận thức về bạo lực gia đình và tác hại lên cuộc sống của nạn nhân;**
- (d) **Giải quyết các yếu tố góp phần khiến nạn nhân ngần ngại báo cáo việc bị xâm hại;**
- (e) **Đảm bảo các vụ việc bạo lực được điều tra, thủ phạm bị truy tố và, nếu bị kết án, bị trừng phạt, và nạn nhân được đền bù;**
- (f) **Tránh gây sức ép để nạn nhân tìm đến các quá trình giải quyết mâu thuẫn mang tính thay thế.**

Hình phạt tử hình

23. Ủy ban ghi chú với sự quan ngại rằng hình phạt tử hình vẫn được áp dụng với các tội phạm, bao gồm các tội liên quan đến chất gây nghiện, tội phạm kinh tế và các tội phạm khác. Điều này là không đáp ứng giới hạn trong các tội nghiêm trọng nhất theo nghĩa của khoản (2) điều 6 của Công ước. Trong khi Ủy ban ghi nhận Chủ tịch nước có thẩm quyền pháp lý để ân xá cho án tử hình, Ủy ban quan ngại trước các báo cáo về số lượng lớn án tử hình và các vụ xử tử. Ủy ban cũng quan ngại rằng một số phiên tòa dẫn đến hình phạt này có thể đã không công bằng và thất bại do không đúng quy trình tố tụng, ví dụ như vụ việc của Hồ Duy Hải và Văn Mạnh. Ủy ban cũng quan ngại về việc thiếu các dữ liệu chính thức công khai về số người bị tuyên án tử hình, bị xử tử hay đang chờ thi hành án tử hình (các điều 6 và 14).

24. **Ủy ban nhắc lại khuyến nghị của Ủy ban (CCPR/CO/75/VNM, đoạn 7) rằng Nhà nước thành viên cần:**

- (a) **Cân nhắc việc đưa ra một lệnh đình chỉ áp dụng hình phạt tử hình, và phê chuẩn hoặc tham gia Nghị định thư tùy chọn thứ hai của Công ước, nhằm xóa bỏ án tử hình;**
- (b) **Cho đến khi có một lệnh đình chỉ áp dụng hình phạt tử hình, sửa đổi Bộ luật Hình sự để giảm hơn nữa số các tội có hình phạt tử hình trong khung hình phạt, và đảm bảo việc trừng phạt bằng án tử hình chỉ áp dụng với các tội phạm nghiêm trọng nhất, tức là các tội đặc biệt nghiêm trọng liên quan đến chủ ý giết người;**
- (c) **Đảm bảo rằng án tử hình không phải là lựa chọn bắt buộc và, nếu được áp dụng thì không bao giờ vi phạm các điều khoản của Công ước, bao gồm về thủ tục xét xử công bằng, và có thông báo trước hợp lý về ngày và giờ thi hành án cho người tù đang chờ thi hành án tử hình sẽ phải thi hành án và gia đình họ.**

(d) **Đảm bảo rằng việc miễn tội chết hay ân xá với hình phạt tử hình có thể áp dụng hiệu quả với tất cả các trường hợp, bất kể với loại tội phạm nào;**

(e) **Công bố các con số chính thức về án tử hình và xử tử, phân tách theo giới, tuổi, dân tộc, tôn giáo và loại tội phạm.**

Quyền sống và an ninh cá nhân

25. Ủy ban quan ngại trước các báo cáo rằng những người, đặc biệt là người bảo vệ nhân quyền, các nhà hoạt động và các nhà lãnh đạo tôn giáo, có thể đối diện với việc bị bắt và giam giữ tùy tiện, và bị giam giữ biệt tích mà không có buộc tội. Ủy ban quan ngại về việc sử dụng hình thức giam giữ trước khi xét xử một cách phổ biến mà không có các đảm bảo pháp lý, như việc quyết định giam giữ được xem xét bởi một thẩm phán; tiếp cận luật sư kể từ thời điểm bị bắt; và quyền thông báo cho thành viên gia đình. Ủy ban cũng quan ngại rằng sau khi được thả ra từ nơi giam giữ, một số người bị đặt dưới tình trạng thực tế là giam giữ tại nhà. Ủy ban quan ngại rằng dưới một số quy định pháp lý trong nước:

(a) Những người bị bắt hay bị giam trong các vụ việc liên quan đến tội về an ninh quốc gia có thể bị từ chối tiếp cận luật sư trong toàn bộ quá trình điều tra;

(b) Những người bị bắt hay giam giữ theo cáo buộc về hình sự có thể bị giam giữ bằng một lệnh của kiểm sát viên, người cũng có thể quyết định tiếp tục gia hạn giam giữ liên tiếp, điều có thể dẫn đến giam giữ vô thời hạn với các vụ việc liên quan đến tội phạm về an ninh quốc gia;

(c) Một kiểm sát viên chứ không phải là một thẩm phán, quyết định tính hợp pháp của việc giam giữ một người bị tước tự do (các điều 2 và 9).

26. **Nhắc lại khuyến nghị trước đây (CCPR/CO/75/VNM, đoạn 8), Ủy ban khuyến nghị Nhà nước thành viên cần đưa các quy định pháp lý và thực hành về giam giữ phù hợp với điều 9 của Công ước, đặc biệt bằng cách đảm bảo rằng:**

(a) **Người bị bắt hay bị giam do các cáo buộc hình sự có tiếp cận với tư vấn pháp lý ngay khi bắt đầu bị tước tự do; và nhanh chóng được đưa ra trước một thẩm phán hay quan chức khác được pháp luật trao thẩm quyền tư pháp, thường là trong vòng 48 giờ, để xác định việc giam giữ người đó trong sự kiểm soát của tư pháp;**

(b) **Xem xét về mặt tư pháp việc giam giữ bất kỳ ai bị tước tự do có đáp ứng các đòi hỏi của khoản (4) điều 9 Công ước và có xem xét các yếu tố thực tế của việc giam giữ. Ủy ban lưu ý tới Khuyến nghị chung số 35 (2014) về tự do và an ninh con người, đặc biệt là các đoạn 32, 33 và 39, trong đó có nói rằng, một kiểm sát viên không thể coi là một công chức thực thi quyền tư pháp theo khoản (3) điều 9 của Công ước.**

Tra tấn và ngược đãi

27. Ủy ban quan ngại rằng các quy định pháp lý về hình sự, đặc biệt là Bộ luật Hình sự, không quy định rõ ràng hình sự hóa hành vi tra tấn. Ủy ban cũng quan ngại không kém trước các báo cáo về việc sử dụng tra tấn và đối xử tàn bạo một cách phổ biến, đặc biệt trong thời kỳ tạm giam trước khi xét xử, đôi khi gây ra tử vong trong khi bị giam giữ, bao gồm cả các thành viên của những nhóm thiểu số về dân tộc và tôn giáo. Ủy ban quan ngại rằng các gia đình phải đối diện với việc bị trả thù khi chất vấn về nguyên nhân thành viên gia đình của họ tử vong tại nơi giam giữ (các điều 2, 6 - 7 và 10).

28. **Nhà nước thành viên cần thực hiện các biện pháp mạnh mẽ để xóa bỏ việc tra tấn và ngược đãi, và cụ thể trong số đó là:**

(a) Sửa Bộ luật Hình sự và các quy định pháp luật khác để hình sự hóa một cách rõ ràng các hành vi tra tấn, với định nghĩa tra tấn tuân thủ điều 7 của Công ước và các chuẩn mực quốc tế khác, nên pháp điển hóa tra tấn như một tội riêng biệt và không hạn chế và áp dụng các biện pháp trừng phạt tương xứng với mức độ nghiêm trọng của tội này;

(b) Đảm bảo rằng tất cả các cáo buộc tra tấn, ngược đãi và các vụ tử vong trong khi bị giam giữ được điều tra nhanh chóng và thấu đáo bởi một cơ quan độc lập và vô tư, rằng thủ phạm bị truy tố và nếu bị kết án, bị trừng phạt bằng các biện pháp tương xứng với mức độ nghiêm trọng của tội phạm, và nạn nhân cùng với gia đình họ, nếu có, được đền bù và khắc phục đủ, bao gồm việc phục hồi và bồi thường thích đáng.

Điều kiện giam giữ

29. Ủy ban quan ngại trước các báo cáo nhất quán về tình trạng giam giữ nghèo nàn, bao gồm tình trạng quá tải, áp dụng biệt giam kéo dài, cùm chân, bị các tù nhân khác xâm hại trước sự làm ngơ của cán bộ quản giáo, và không tách tù nhân khỏe mạnh khỏi những người mắc bệnh truyền nhiễm, việc cố ý phơi nhiễm người tù với lây nhiễm HIV, từ chối chăm sóc y tế, và chuyển trại mang tính trừng phạt. Ủy ban quan ngại trước các báo cáo về phân biệt đối xử giữa thường phạm và tù nhân lương tâm theo Thông tư 37 của Bộ Công an (2011), trong đó quy định giam riêng với tù nhân lương tâm, và trong thực tế là, tương đương với biệt giam và hình thức này có thể được gia hạn vô thời hạn. Ủy ban lấy làm tiếc về việc không có một cơ chế quốc gia nào giám sát độc lập và thường xuyên và thanh tra các trung tâm giam giữ và nhà tù, và việc thiếu thông tin về con số tù nhân so với sức chứa của nhà tù, phân tách theo cơ sở giam giữ (CCPR/CO/75/VNM, đoạn 12) (các điều 7, và 9-10).

30. Nhà nước thành viên cần:

(a) Cải thiện điều kiện giam giữ theo Công ước và Quy định chuẩn tối thiểu của Liên Hợp Quốc về đối xử với tù nhân (Quy định Nelson Mandela);

(b) Xóa bỏ tình trạng quá tải ở các nơi giam giữ, bao gồm việc sử dụng các biện pháp thay thế giam giữ tuân thủ theo Công ước và các chuẩn mực quốc tế liên quan, như là Quy định chuẩn tối thiểu của Liên Hợp Quốc về các biện pháp không giam giữ (Quy định Tokyo);

(c) Tránh áp đặt biệt giam, trừ trong những hoàn cảnh đặc biệt ngoại lệ nhất, chỉ áp dụng với thời lượng giới hạn, và khi được xác định một cách khách quan và tương xứng; và tránh dùng việc chuyển trại mang tính trừng phạt để chia cắt người tù và gia đình họ;

(d) Làm cho cán bộ nhà tù và người tù có hành động dưới sự chỉ dẫn của cán bộ phải chịu trách nhiệm về những hành vi ngược đãi hoặc tra tấn;

(e) Đảm bảo rằng người bị tước tự do nhận được chăm sóc y tế thích đáng, và tù nhân khỏe mạnh được tách riêng khỏi những người mắc bệnh truyền nhiễm nguy cơ cao;

(f) Thiết lập một cơ chế độc lập và hiệu quả giám sát thường xuyên tình trạng của những nơi tước đoạt tự do;

(g) Cân nhắc tham gia Nghị định thư tùy chọn theo Công ước Chống Tra tấn.

Các trung tâm cai nghiện bắt buộc

31. Ủy ban quan ngại về tình trạng của những người sử dụng chất gây nghiện bị giữ trong các trung tâm cai nghiện, những người được báo cáo là phải chịu điều trị cai nghiện bắt buộc, và lao động cường bức. Ủy ban quan ngại về tình trạng thiếu chăm sóc y tế và điều kiện làm việc nặng nhọc; và số lượng lớn những người bị giữ tại các trung tâm này (các điều 8, 10 và 24).

32. **Nhà nước thành viên cần:**

- (a) Theo đuổi việc rà soát toàn diện các luật, chính sách và thực hành liên quan đến các cá nhân phụ thuộc chất gây nghiện, đặc biệt là những người bị tước tự do trong các trung tâm cai nghiện bắt buộc, trên quan điểm đưa các luật, chính sách và thực hành này tuân thủ đầy đủ Công ước, bao gồm chấm dứt việc sử dụng lao động cường bức trong các trung tâm cai nghiện;
- (b) Đảm bảo rằng tất cả những người bị giam giữ do liên quan đến vấn đề nghiện chất gây nghiện được đối xử một cách nhân đạo và tôn trọng nhân phẩm vốn có của con người;
- (c) Đưa ra một cơ chế hiệu quả có thẩm quyền chính thức để quyết định về các khiếu nại của những người bị tước tự do trong các trung tâm cai nghiện bắt buộc.

Tính độc lập của tư pháp và xét xử công bằng

33. Ủy ban quan ngại về những ảnh hưởng của đảng cầm quyền lên cơ quan công tố và tư pháp, làm ảnh hưởng đến tính độc lập của các cơ quan này, và việc công chúng thiếu lòng tin vào hệ thống tư pháp. Ủy ban cũng vẫn quan ngại về việc thiếu đảm bảo về nhiệm kỳ thẩm phán.

34. Ủy ban nhắc lại khuyến nghị trước đây (CCPR/CO/75/VNM, đoạn 9) rằng Nhà nước thành viên cần tiến hành ngay lập tức các bước để bảo vệ tính độc lập và khách quan của cơ quan tư pháp và công tố; đảm bảo rằng các cơ quan này có thể tự do vận hành mà không bị can thiệp; và đảm bảo minh bạch và vô tư trong tiến trình bổ nhiệm các vị trí tư pháp và kiểm sát.

35. Ủy ban quan ngại trước các cáo buộc vi phạm các đảm bảo về xét xử công bằng với người bị giam giữ, đặc biệt với các trường hợp liên quan đến người bảo vệ nhân quyền, người hoạt động chính trị, và các cá nhân bị buộc tội liên quan đến an ninh quốc gia, bao gồm việc bị từ chối quyền được hỗ trợ pháp lý, tiếp cận luật sư theo lựa chọn của đương sự, và đưa ra tòa trong một thời hạn hợp lý; đủ thời gian và điều kiện để chuẩn bị cho việc bào chữa, và thiếu đảm bảo tính bảo mật trong quan hệ luật sư – thân chủ theo điều 19 của Bộ luật Hình sự. Ủy ban quan ngại trước các báo cáo rằng luật sư đại diện cho những người bảo vệ nhân quyền, người hoạt động chính trị và những cá nhân bị cáo buộc các tội liên quan đến an ninh quốc gia phải đối diện việc trả thù, khai trừ, sách nhiễu, đe dọa, bắt và giam giữ tùy tiện, tấn công thân thể, những điều này xem nhẹ quyền được xét xử công bằng. Ủy ban đặc biệt quan ngại về vụ việc của luật sư Nguyễn Văn Đài (các điều 2, 9, 14 và 22).

36. **Nhà nước thành viên cần đảm bảo:**

(a) Quyền có một phiên tòa công bằng và không bị trì hoãn vô lý, theo điều 14 của Công ước và bình luận chung số 32 (2007) của Ủy ban về quyền bình đẳng trước tòa án và các phiên tòa và quyền được xét xử công bằng;

(b) Rằng người bị giam giữ có tiếp cận nhanh chóng, thích đáng và không bị cản trở với luật sư theo lựa chọn của họ hoặc tiếp cận hỗ trợ pháp lý miễn phí ngay khi mới bị giam giữ, và rằng tất cả

những giao tiếp giữa người tư vấn và người bị buộc tội được giữ kín, và rằng nguyên tắc suy đoán vô tội được tuân thủ chặt chẽ;

(c) Rằng luật sư có thể tư vấn và đại diện cho những người bị buộc tội hình sự theo những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp được công nhận chung, không bị hạn chế, ảnh hưởng, bị gây sức ép hay can thiệp một cách vô lý từ bất kỳ nguồn nào, theo Các nguyên tắc căn bản về vai trò của Luật sư; và đảm bảo việc điều tra và truy tố những lời đe dọa và tấn công các luật sư và cung cấp cho nạn nhân những phương thức khắc phục hiệu quả.

Tư pháp vị thành niên

37. Trong khi hoan nghênh những nỗ lực kiện toàn hệ thống tư pháp vị thành niên, Ủy ban quan ngại rằng Tòa án gia đình và người chưa thành niên chỉ mới tồn tại ở hai tỉnh. Ủy ban cũng quan ngại về định nghĩa tuổi trẻ em là một người dưới 16 tuổi, điều này tạo ra khoảng trống với trẻ em tuổi 16 – 17, đặc biệt là các em phải đối diện với việc bị tước tự do. Ủy ban quan ngại rằng, dù đã có những biện pháp thay thế việc tước tự do của trẻ, việc giam giữ trẻ em trái với luật được báo cáo là vẫn còn phổ biến (các điều 9, 14, và 24).

38. Nhà nước thành viên cần:

- (a) Cân nhắc sửa đổi khung pháp lý để định nghĩa tuổi trẻ em là người đến 18 tuổi, theo các chuẩn mực quốc tế;
- (b) Tiếp tục việc tăng cường hệ thống tư pháp vị thành niên bằng cách thành lập thêm các tòa án chuyên biệt và cung cấp cho các tòa án này nguồn lực thích hợp, bao gồm cắt cử các thẩm phán được đào tạo chuyên biệt;
- (c) Đảm bảo rằng việc giam giữ và cải tạo chỉ áp dụng như là biện pháp cuối cùng và với thời gian ngắn nhất có thể, và rằng trẻ em bị giam giữ được tách riêng khỏi người lớn bị giam giữ.

Buôn bán người

39. Ủy ban quan ngại rằng các cơ sở hỗ trợ nạn nhân và trung tâm bảo trợ xã hội cho các nhóm dễ bị tổn thương, bao gồm nạn nhân buôn người, có thể không đủ nguồn lực và không có các cơ sở lưu trú hướng đến nạn nhân là nam giới và trẻ em. Ủy ban quan ngại rằng nạn nhân của việc buôn người chỉ có tiếp cận hạn chế với các dịch vụ xã hội, đặc biệt khi không có đăng ký hộ khẩu, và rằng những kỳ thị và trừng phạt ở cộng đồng địa phương có thể không khuyến khích nạn nhân tìm đến các dịch vụ xã hội này (các điều 2 - 3, 8 và 24).

40. Nhà nước thành viên cần:

- (a) Tăng cường các nỗ lực ngăn chặn, trấn áp và trừng phạt việc buôn bán người;
- (b) Cung cấp cho nạn nhân những biện pháp bảo vệ, hỗ trợ và khắc phục hiệu quả;
- (c) Đảm bảo tiếp cận dịch vụ xã hội và đảm bảo có sẵn một số lượng thích đáng cơ sở lưu trú được cấp ngân sách phù hợp, bao gồm các cơ sở cho nam giới và trẻ em;
- (d) Tiếp tục các nỗ lực nâng cao nhận thức để xóa bỏ sự kỳ thị với nạn nhân của việc buôn người.

Quyền rời đi và trở về quốc gia của một người

41. Ủy ban quan ngại rằng Bộ luật Hình sự hình sự hóa việc “trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân” (điều 121). Ủy ban cũng quan ngại trước các báo cáo rằng những người thuộc các nhóm dân tộc thiểu số và dân tộc bản địa bị ngăn cản không cho rời khỏi lãnh thổ để tìm kiếm quy chế tỵ nạn. Ủy ban quan ngại rằng, với sự hợp tác với các nước láng giềng, những người thoát ra có thể là đối tượng bị cưỡng bức trả về hoặc bị truy tố hình sự, bao gồm theo điều khoản đã nêu trên đây. Ủy ban quan ngại về các hạn chế tùy tiện khác được áp đặt, đặc biệt là những hạn chế với người bảo vệ nhân quyền, như là cấm đi ra nước ngoài; tịch thu hoặc từ chối cấp hộ chiếu; hay ép buộc họ sống lưu vong (các điều 2, 9, và 12).

42. Nhà nước thành viên cần tránh việc ép buộc công dân của mình đi lưu vong và tôn trọng quyền của họ được bảo hộ khỏi bất kỳ hành động nào cản trở việc họ tiếp cận hay ở lại lãnh thổ của mình theo điều 12 (4) của Công ước và bình luận chung số 27 (1999) của Ủy ban về tự do đi lại. Nhà nước thành viên cần đảm bảo tôn trọng đầy đủ quyền tự do rời khỏi đất nước của một người, bao gồm việc rút lại điều 91 Bộ luật Hình sự; tránh việc áp đặt tùy tiện lệnh cấm đi lại; đảm bảo rằng bất kỳ lệnh cấm đi lại nào cũng phải có cơ sở theo điều 12(3) của Công ước; và bỏ các lệnh cấm không tuân thủ với điều này.

Tự do tôn giáo

43. Ủy ban quan ngại rằng Luật Tôn giáo tín ngưỡng năm 2016 hạn chế tự do tôn giáo và tín ngưỡng một cách vô lý, chẳng hạn như thông qua việc bắt buộc đăng ký và quá trình công nhận các tổ chức tôn giáo, những hạn chế với các hoạt động tôn giáo dựa trên những điều khoản mơ hồ và có thể diễn giải rộng về an ninh quốc gia và đoàn kết dân tộc. Ủy ban cũng quan ngại rằng thành viên của các cộng đồng tôn giáo và người lãnh đạo của họ, chủ yếu là các nhóm tôn giáo không đăng ký hoặc không được công nhận, các cộng đồng dân tộc thiểu số hay dân tộc bản địa, phải đối diện với nhiều dạng theo dõi, sách nhiễu, đe dọa, tịch thu và phá hủy tài sản, và bị ép từ bỏ tín ngưỡng của mình, bị gây sức ép để gia nhập một dòng tu, hay bị tấn công thân thể, đôi khi dẫn đến cái chết. Ủy ban thấy lo lắng trước các báo cáo rằng những tác nhân không thuộc Nhà nước, như là “Hội Cờ đỏ” đã tấn công cộng đồng Công giáo, và liên đới vào các hoạt động tuyên truyền nhằm khuyến khích hay kích động phân biệt đối xử, bạo lực và phát ngôn thù hận về tôn giáo (các điều 2, 18 - 20, và 26).

44. Nhà nước thành viên cần đưa các quy định pháp luật của mình tuân thủ điều 18 của Công ước, và tránh bất kỳ hành động nào có thể hạn chế tự do tôn giáo và tín ngưỡng vượt lên những hạn chế được phép trong điều này, và cân nhắc đến các khuyến nghị của Báo cáo viên đặc biệt về tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng (xem A/HRC/28/66/Add.2). Nhà nước cũng cần tiến hành các biện pháp để ngăn chặn, và đáp lại nhanh chóng và hiệu quả với tất cả các hành vi can thiệp vô lý với tự do tôn giáo, cũng như bất kỳ sự việc nào về phát ngôn thù hận, kích động phân biệt đối xử, bạo lực hay các tổ giác về các tội phạm liên quan đến thù hận, và đảm bảo rằng những người liên quan đến các hành vi này được mang ra trước công lý.

Tự do biểu đạt

45. Ủy ban lấy làm tiếc về những hạn chế nặng nề với tự do quan điểm và biểu đạt ở nước thành viên, bao gồm thông qua các luật và thực hành không tuân thủ các nguyên tắc về tính chắc chắn, cần thiết và cân xứng về mặt pháp lý, chẳng hạn:

- (a) Các hành vi vi phạm được định nghĩa mơ hồ và rộng trong các điều 109, 116, 117, và 331 của Bộ luật Hình sự và việc áp dụng các điều luật này để thu hẹp tự do quan điểm và biểu đạt, và định nghĩa một số tội liên quan đến an ninh quốc gia trong đó có cả các hoạt động chính đáng như là thực hành tự do biểu đạt;
- (b) Nhà nước kiểm soát truyền thông, với những hạn chế nhằm đảm bảo việc thúc đẩy và gắn chặt với chính sách của Chính phủ, bao gồm thông qua Luật Báo chí 2016 trong đó cấm bất kỳ sự phê phán nào đối với Chính phủ;
- (c) Luật An ninh mạng 2018 và những quy định khác thu hẹp tự do biểu đạt trên mạng bằng cách cấm cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet để phát tán các thông tin chống lại hoặc phê phán Nhà nước, và việc thành lập Lực lượng 47 để kiểm soát Internet;
- (d) Việc bắt, giam và xét xử và kết tội hình sự một cách tùy tiện, bao gồm với những người bảo vệ nhân quyền, nhà báo, bloggers và luật sư vì biểu đạt những phê phán với những người có thẩm quyền hay chính sách của Nhà nước, bao gồm trên mạng, như trường hợp người bảo vệ nhân quyền về môi trường và blogger Nguyễn Ngọc Như Quỳnh (các điều 9, 14, 19 và 21).

46. Nhà nước thành viên cần, một cách khẩn cấp, tiến hành tất cả các biện pháp cần thiết, bao gồm sửa đổi quy định pháp lý, để chấm dứt các vi phạm quyền tự do biểu đạt trên mạng và ngoài đời, và đảm bảo rằng những hạn chế đặt ra không được quá các giới hạn được định nghĩa trong điều 19 của Công ước, có tính đến Bình luận chung số 34 (2011) của Ủy ban về tự do quan điểm và biểu đạt. Nhà nước cũng cần khuyến khích truyền thông đa nguyên để có thể hoạt động tự do mà không bị Nhà nước can thiệp vô lý.

Quyền tự hợp ôn hòa

47. Ủy ban nhắc lại sự quan ngại (CCPR/CO/75/VNM, đoạn 21) về những hạn chế quá mức áp đặt lên tự do hội họp ôn hòa và các cuộc họp tại nơi công cộng bao gồm các cuộc tụ họp về nhân quyền. Ủy ban quan ngại về những cáo giác về việc sử dụng vũ lực quá mức và bắt giữ tùy tiện do các cán bộ thực thi pháp luật tiến hành để cản trở các cuộc biểu tình, bao gồm các biểu tình về quyền lao động, chiếm đoạt đất đai, và thảm họa sinh thái từ nhà máy thép Formosa (điều 21).

48. Nhà nước thành viên cần

- (a) **Đảm bảo một cách hiệu quả và bảo vệ tự do hội họp ôn hòa, và tránh những hạn chế không tương thích với điều 21 của Công ước;**
- (b) **Đảm bảo rằng tất cả các sự việc sử dụng bạo lực quá mức đều phải được điều tra nhanh chóng, vô tư và hiệu quả và rằng những người có trách nhiệm phải được mang ra trước công lý;**
- (c) **Tiến hành những biện pháp để ngăn cản hiệu quả và xóa bỏ tất cả các hình thức sử dụng bạo lực quá mức của các cán bộ hành pháp, bao gồm cả bằng việc cung cấp các đào tạo về sử dụng vũ lực và về Nguyên tắc căn bản về sử dụng vũ lực và vũ khí và vật liệu nổ của các cán bộ thực thi pháp luật.**

Tự do hiệp hội

49. Trong khi lưu ý về các kế hoạch thông qua một Luật về Hội, Ủy ban nhắc lại quan ngại đã nêu (CCPR/CO/75/VNM, đoạn 20) về những hạn chế bất hợp lý về việc thành lập, quản lý và hoạt động của các hiệp hội, bao gồm quyền thành lập công đoàn độc lập. Ủy ban đặc biệt quan ngại về những quy định hạn chế về tài trợ nước ngoài, những quy định này có thể được dùng để thắt chặt việc kiểm soát các hội và hạn chế khả năng nhận tài trợ của họ (các điều 2, 6, 19, 22 và 26).

50. **Nhà nước thành viên cần hiệu lực hóa đầy đủ các đảm bảo hiến định về tự do hiệp hội, và đẩy nhanh việc thông qua Luật về Hội và đảm bảo các điều khoản của luật này, các quy định và thực hành liên quan tuân thủ với điều 22 của Công ước. Nhà nước thành viên cũng cần:**

- (a) tôn trọng quyền của cá nhân trong việc thành lập hay gia nhập một liên đoàn hay một hội tùy theo lựa chọn của mình, bao gồm trong cả lĩnh vực nhân quyền;**
- (b) đảm bảo rằng các quy định về tài trợ nước ngoài cho các hội không dẫn tới kiểm soát vô lý hay can thiệp vào khả năng hoạt động hiệu quả của các hội.**

Người bảo vệ nhân quyền

51. Ủy ban quan ngại trước các báo cáo về việc gia tăng những xâm phạm an ninh của người bảo vệ nhân quyền và các tác nhân xã hội dân sự, những người phải chịu dọa nạt, đe dọa, tấn công thân thể để khiến họ không muốn tiến hành các hoạt động chính đáng của mình. Ủy ban cũng quan ngại không kém về các vụ việc trả thù người bảo vệ nhân quyền, bao gồm cả những người hợp tác với Liên Hợp Quốc. Những thực hành này, cộng với những quan ngại đã được đưa ra trong các đoạn 45 và 47 ở trên, ngăn cản việc phát triển một không gian xã hội dân sự trong đó các cá nhân có thể thực hành và thúc đẩy nhân quyền một cách có ý nghĩa trong một môi trường an toàn (các điều 2, 9, 19, và 21-22).

52. **Nhà nước thành viên cần đảm bảo rằng những người bảo vệ nhân quyền và các tác nhân xã hội dân sự khác được bảo vệ khỏi những dọa nạt, đe dọa và tấn công thân thể, và điều tra, truy tố và kết tội những người gây ra những hành động này. Nhà nước thành viên cũng cần cho phép họ có không gian cần thiết để tiến hành hoạt động của mình, bao gồm cả việc hợp tác với Liên Hợp Quốc, mà không sợ bị cấm đoán hay trả thù.**

Tham gia vào việc công

53. Ủy ban nhắc lại quan ngại (CCPR/CO/75/VNM, đoạn 20) rằng việc thành lập các đảng chính trị, bên cạnh Đảng Cộng sản Việt Nam, là không được phép và các nguyên tắc và thủ tục về bầu cử không đảm bảo quyền của công dân tham gia vào thực hiện các công việc công, quyền bỏ phiếu và được bầu chọn như quy định ở điều 25 của Công ước. Ủy ban cũng quan ngại về:

- (a) Điều kiện ứng cử viên độc lập phải qua nhiều vòng hiệp thương với Mặt trận Tổ quốc, tổ chức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, để được công nhận là ứng cử viên;
- (b) Những việc không tuân thủ quy định trong các kỳ bầu cử trước, trong đó có những sai phạm do bầu thay bầu hộ;
- (c) Việc không có cơ quan giám sát bầu cử độc lập;
- (d) Việc từ chối hoàn toàn quyền bỏ phiếu của tù nhân đang thi hành án (các điều 2, 10, và 25).

54. **Nhà nước thành viên cần thông qua một hệ thống bầu cử đảm bảo việc thụ hưởng bình đẳng các quyền của tất cả công dân, tuân thủ với Công ước, bao gồm điều 25, trong đó có việc đảm bảo các cuộc bầu cử đủ minh bạch và trung thực và một hệ thống chính trị đa nguyên; tránh việc sử dụng**

các quy định hình sự để loại bỏ trong thực tế các ứng viên đối lập trong quá trình bầu cử; và sửa các quy định pháp luật từ chối quyền bầu cử của tù nhân.

Quyền của những người thuộc về thiểu số

55. Ủy ban quan ngại rằng Nhà nước thành viên không công nhận các dân tộc bản địa ở Việt Nam. Trong khi ghi nhận rằng các chính sách về dân tộc thiểu số đã được đưa ra, Ủy ban quan ngại về khoảng cách còn tồn tại trong các nỗ lực thúc đẩy và bảo vệ quyền của những người thiểu số về dân tộc, tôn giáo và các dân tộc bản địa. Ủy ban quan ngại rằng những cộng đồng này phải chịu phân biệt đối xử, bao gồm trong các lĩnh vực giáo dục, việc làm, và các dịch vụ công khác. Ủy ban vẫn quan ngại rằng các cộng đồng này không được tham vấn đầy đủ trong các quá trình ra quyết định về các vấn đề ảnh hưởng tới họ, như trong việc thu hồi đất và giao đất, bao gồm đất đai truyền thống và của tổ tiên họ, cho các dự án phát triển, hay về các biện pháp khắc phục thích đáng được đưa ra. Ủy ban quan ngại rằng các dự án phát triển có tác động tiêu cực lên cộng đồng trên các phương diện về văn hóa, lối sống, việc sử dụng đất đai và tài nguyên, và sinh kế, dẫn đến làm gia tăng bất bình đẳng về kinh tế xã hội (các điều 2, và 26-27).

56. Nhà nước thành viên cần:

(a) Thông qua các luật và biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ đầy đủ các quyền của những người thiểu số và dân tộc bản địa, bao gồm quyền được thụ hưởng văn hóa của mình, truyền bá và thực hành tôn giáo của mình, và sử dụng ngôn ngữ của mình;

(b) Thực hiện các kế hoạch với mục đích tăng trưởng kinh tế ở những khu vực có nhiều dân cư là những người thuộc các nhóm thiểu số và dân tộc bản địa mà không ảnh hưởng tiêu cực đến họ, tiến hành tất cả các bước cần thiết để đảm bảo tham vấn thực chất với những cộng đồng này về các dự án phát triển có tác động lên sinh kế, lối sống và văn hóa của họ, và tiến hành tham vấn với các dân tộc bản địa trên quan điểm để đạt được sự đồng thuận trước của họ một cách tự nguyện và được thông tin đầy đủ.

(c) Đảm bảo rằng các cộng đồng tham gia vào bất kỳ tiến trình nào liên quan đến việc tái định cư cho họ, và việc tái định cư được tiến hành theo các chuẩn mực quốc tế liên quan, như là nguyên tắc về không phân biệt đối xử và quyền được thông báo và tham vấn, và có biện pháp khắc phục một cách hiệu quả và được cung cấp các khu tái định cư thích hợp có tính toán thích đáng đến lối sống truyền thống của họ, và khi áp dụng được, quyền của họ với đất đai của tổ tiên; và khi không thể tái định cư thì đền bù cho họ một cách thỏa đáng;

(d) Tiến hành các biện pháp đảm bảo tiếp cận hiệu quả với dịch vụ công mà không có phân biệt đối xử với người thuộc về các nhóm thiểu số về dân tộc hay tôn giáo và các dân tộc bản địa, bao gồm về việc cấp đăng ký thẻ nhân khẩu (“*Hộ khẩu*”).

D. Phổ biến và hoạt động tiếp theo

57. Nhà nước thành viên cần phổ biến rộng rãi Công ước, báo cáo định kỳ thứ 3, văn bản trả lời Danh sách các vấn đề do Ủy ban nêu ra, và Nhận xét kết luận này, trên quan điểm nâng cao nhận thức về các quyền được ghi nhận trong Công ước cho các cán bộ tư pháp, lập pháp và hành chính, xã hội dân sự và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong nước và công chúng nói chung. Nhà nước thành viên cần đảm bảo rằng báo cáo thứ ba và bản Nhận xét kết luận này được dịch sang ngôn ngữ chính thức của Nhà nước thành viên.

58. Theo Nguyên tắc 75, đoạn 1 của Nguyên tắc về Thủ tục làm việc của Ủy ban, Nhà nước thành viên được yêu cầu cung cấp, trước ngày 29 tháng 3 năm 2021, thông tin về việc thực thi các khuyến nghị của Ủy ban trong các đoạn 24 (án tử hình), 46 (Tự do biểu đạt) và 52 (Người bảo vệ nhân quyền) nêu trên.

59. Ủy ban yêu cầu Nhà nước thành viên nộp báo cáo định kỳ tiếp theo trước ngày 29 tháng Ba năm 2023 và bao gồm trong báo cáo đó, những thông tin cụ thể về việc thực hiện các khuyến nghị đưa ra trong bản Nhận xét kết luận này và về Công ước nói chung. Ủy ban cũng yêu cầu Nhà nước thành viên, khi chuẩn bị báo cáo, tiến hành tham vấn rộng rãi với xã hội dân sự và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong nước. Theo nghị quyết 68/268 của Đại hội đồng, giới hạn số từ của báo cáo là 21.200 từ. Ủy ban khuyến khích tất cả các nhà nước tuân theo Thủ tục rút gọn khi gửi báo cáo. Nếu nhà nước thành viên muốn theo Thủ tục rút gọn trong kỳ báo cáo tiếp theo, Nhà nước cần thông báo việc này với Ủy ban, trong một năm kể từ khi nhận được các Nhận xét kết luận này. Phần trả lời cho danh sách các vấn đề do Ủy ban đưa ra trong Thủ tục rút gọn sẽ được coi là báo cáo định kỳ tiếp theo được nộp theo điều 40 của Công ước.
